

MỤC LỤC

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025	3
II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.....	4
1. Mục đích	4
2. Yêu cầu	4
III. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN	4
IV. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	6
1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên	6
2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên	8
3. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	10
V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	11
1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	11
2. Đánh giá những tồn tại trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	11
3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024..	12
VI. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025	12
1. Phương hướng nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2025	12
2. Chỉ tiêu sử dụng đất trong năm 2025	16
3. Tổng hợp các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025	17
3.1. Đất nông nghiệp	18
3.2. Đất phi nông nghiệp.....	19
4. Sự phù hợp so với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được duyệt.....	20
5. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích theo loại đất hiện trạng của huyện Nhơn Trạch	20
6. Diện tích đất cần thu hồi năm 2025	20
7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2025 chi tiết các công trình tại biểu 05/KH.....	21
VII. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	21
1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	21
1.1. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất	21
1.2. Giải pháp về bảo vệ môi trường.....	22
2. Giải pháp về nguồn lực	22
3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	23
3.1. Giải pháp tổ chức thực hiện	23

3.2. Giải pháp quản lý và giám sát kế hoạch sử dụng đất	23
4. Giải pháp khác.....	24
4.1. Giải pháp về khoa học, công nghệ	24
4.2. Giải pháp về chính sách hỗ trợ.....	24
4.3. Giải pháp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án.....	25
VIII. KẾT LUẬN	26

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

Tại Khoản 2, Điều 37 và Khoản 1, Điều 52 của Luật Đất đai năm 2013, quy định: “ *Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm* ” và căn cứ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là “ *Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt* ”.

Thực hiện quy định trên, UBND huyện Nhơn Trạch đã tiến hành lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 3520/QĐ - UBND ngày 29/12/2023.

Qua một năm triển khai thực hiện, có thể khẳng định Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý, sử dụng đất trên địa bàn cũng như phục vụ kịp thời mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của huyện nói riêng và của tỉnh Đồng Nai nói chung. Bên cạnh đó, kế hoạch sử dụng đất cũng bộc lộ một số tồn tại, bất cập nhất định như: chưa rà soát kỹ khả năng đáp ứng của các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực về vốn; chưa lường hết những khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện;... dẫn đến việc dự báo nhu cầu sử dụng đất trong năm 2024 chưa thật sát với khả năng thực hiện.

Mặt khác, ngày 01/8/2024 Luật đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành. Để có cơ sở triển khai thực hiện kịp thời các dự án trong năm 2025, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trên cơ sở chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ tại Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 phê duyệt tại Quyết định số 5367/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai, quy hoạch chung thành phố mới Nhơn Trạch được điều chỉnh tại các Quyết định số 1446/QĐ/TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 tại vị trí xây dựng cầu Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 862/QĐ/TTg ngày 16/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (về hạ tầng kỹ thuật và khu công nghiệp; thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường về công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện, UBND huyện Nhơn Trạch đã phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và triển khai thực hiện lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nhơn Trạch.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá kết quả thực hiện và xác định các nguyên nhân tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

- Xác định nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025, đồng thời xác định: vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện các dự án, công trình theo quy định tại Khoản 5, Điều 72, Điều 78, 79 của Luật Đất đai năm 2024; vị trí, diện tích các dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác theo quy định tại Khoản 1, Điều 122 của Luật Đất đai năm 2024, Khoản 1, Điều 46 của Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024; diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng phải xin phép theo quy định tại Khoản 1, Điều 121 của Luật Đất đai năm 2024.

2. Yêu cầu

Việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 phải phù hợp với Luật Đất đai năm 2024, Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2024;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/06/2024;
- Luật Quy hoạch năm 2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch
- Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định uy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai;

- Nghị quyết số 1194/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025;

- Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 15/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Bổ sung Danh mục các dự án chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2024 tỉnh Đồng Nai (lần 2);

- Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Bổ sung Danh mục các dự án thu hồi đất năm 2024 tỉnh Đồng Nai (lần 2);

2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện

- Quyết định số 862/QĐ/TTg ngày 16/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (về hạ tầng kỹ thuật và khu công nghiệp).

- Quyết định số 1446/QĐ/TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 tại vị trí xây dựng cầu Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 5367/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 3520/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch;

- Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 05 năm, giai đoạn 2020 - 2024 tại Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai” (có hiệu lực từ ngày 01/01/2023);

- Thống kê đất đai năm 2023 của các xã, thị trấn thuộc huyện Nhơn Trạch;

- Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2025; danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2025 của huyện được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua;

- Các văn bản, chủ trương của UBND tỉnh về triển khai các dự án trên địa bàn huyện Nhơn Trạch;

Và các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

IV. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý

Huyện Nhơn Trạch nằm ở phía Tây Nam tỉnh Đồng Nai. Có tổng diện tích tự nhiên là 37.677,88 ha, gồm 12 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó thị trấn Hiệp Phước là trung tâm hành chính của huyện. Ranh giới hành chính tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc và Đông Bắc giáp huyện Long Thành;
- Phía Bắc và Tây Bắc giáp TP Thủ Đức, TP HCM;
- Phía Nam và Đông Nam giáp huyện Mỹ Xuân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Phía Tây và Tây Nam giáp huyện Cần Giờ thành phố HCM.

Huyện Nhơn Trạch nằm tại trung tâm của khu vực tam giác trọng điểm phát triển kinh tế và đô thị (TP HCM - Biên Hòa - Vũng Tàu) nên huyện có nhiều lợi thế để phát triển trên mọi lĩnh vực kinh tế, đặc biệt thuận lợi để mở rộng khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch. Đây đồng thời cũng là sức ép rất lớn đối với việc định hướng sử dụng đất của huyện, đặc biệt trong phân bổ cơ cấu sử dụng đất hợp lý để khai thác các tiềm năng sẵn có khác, đồng thời đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững.

Có hệ thống giao thông đường bộ thuận lợi ngoài đường cao tốc TP HCM Long Thành - Dầu Giây đã được đầu tư và đi vào hoạt động, các tuyến đường như đường cao tốc liên vùng phía nam Long Thành - Bến Lức, đường vành đai 3, đường 25C đang tiếp tục được đầu tư, ngoài ra hai tuyến tỉnh lộ 25B và 769 chạy dọc theo chiều dài huyện góp phần thúc đẩy phát triển thông thương, giao lưu kinh tế giữa các huyện của tỉnh và với các tỉnh khác;

Từ những điều kiện thuận lợi về vị trí nên huyện được quy hoạch là hạt nhân phát triển kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bảng 1: Diện tích tự nhiên theo từng đơn vị hành chính

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Toàn huyện	37.677,88	100,00
1	Đại Phước	1.658,55	4,40
2	Hiệp Phước	1.874,98	4,98
3	Long Tân	3.570,36	9,48
4	Long Thọ	2.381,63	6,32
5	Phú Đông	2.211,98	5,87

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
6	Phú Hội	1.906,69	5,06
7	Phú Hữu	2.173,69	5,77
8	Phước An	11.364,99	30,16
9	Phước Khánh	3.756,70	9,97
10	Phước Thiện	1.702,02	4,52
11	Phú Thạnh	1.750,53	4,65
12	Vĩnh Thanh	3.325,76	8,83

1.2. Địa hình, địa mạo

Địa hình huyện Nhơn Trạch tương đối đơn giản mang đặc thù của vùng đồng bằng ven biển, thường xuyên chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều. Diện tích đất canh tác nông nghiệp tương đối lớn nhưng hiệu quả đem lại không cao do phần lớn đất bị nhiễm phèn, mặn ở dưới tầng sâu; tầng đất mặt ở khu vực cao hơn phần lớn lại là đất xám lại có lượng sét lẫn sạn sỏi tương đối lớn nên nghèo dinh dưỡng. Nền địa chất của khu vực tương đối vững chắc, địa hình dạng bằng phẳng nên rất phù hợp xây dựng. Địa hình phân thành 2 dạng chủ yếu:

- Dạng địa hình cao;
- Dạng địa hình thấp, trũng, ngập nước.

1.3. Khí hậu

Nhơn Trạch thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có nền nhiệt cao đều quanh năm, ít gió bão, không có mùa đông lạnh, không có những cực đoan lớn về khí hậu, rất thuận lợi cho bố trí sử dụng đất.

+ Nhiệt độ: Có nền nhiệt độ cao đều quanh năm và khá ổn định, nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 25 - 26⁰C. Biên độ nhiệt trong mùa mưa đạt 5,5 - 8⁰C, trong mùa khô đạt 5 - 12⁰C.

+ Lượng mưa: trung bình khoảng 1.800 - 2.000 mm/năm. Lượng mưa phân bố không đều tạo nên hai mùa là mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm trên 90% lượng mưa hàng năm, trong đó các tháng 8, 9, 10 có lượng mưa cao nhất; có tháng lượng mưa lên đến 500 mm. Các tháng mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với khoảng 10% lượng mưa trong năm. Có một số tháng hầu như không có mưa như tháng 1 và tháng 2.

+ Độ ẩm không khí trung bình năm từ 78 - 82%. Các tháng mùa mưa có độ ẩm tương đối cao 85 - 93%. Các tháng mùa khô có độ ẩm tương đối thấp 72 - 82%. Độ ẩm cao nhất 95%, thấp nhất 50%.

Tuy nhiên, với diễn biến biến đổi khí hậu toàn cầu đang diễn ra ngày càng phức tạp cũng là một thách thức cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1.4. Thủy văn

Huyện Nhơn Trạch có nhiều sông suối lớn, sông còn là ranh giới với các huyện xung quanh. Phía Bắc và phía Tây có sông Đồng Nai, sông Cái và sông Nhà Bè, các sông này đều chảy thông với nhau (sông Cái là một nhánh của sông Đồng Nai nối với sông Nhà Bè) và thông ra sông Lòng Tàu (phía Tây Nam). Thượng nguồn sông Thị Vải nằm về phía Đông Nam của huyện. Sông Đồng Tranh nối với sông Thị Vải và sông Lòng Tàu làm thành ranh giới phía Nam với huyện Cần Giờ. Sông Cầu Trai chạy song song với sông Nhà Bè, sông Cầu Trai nối nhánh với sông Nhà Bè và sau đó lại đổ vào sông Nhà Bè. Sông Phước Lý và rạch Ông Kèo nối liền với nhau chạy song song với sông Nhà Bè ở phía Tây huyện Nhơn Trạch, sông Phước Lý - Ông Kèo nối nhánh với sông Cái.

Sông Đồng Nai: Nằm phía Bắc huyện Nhơn Trạch, sâu 5-7m, rộng 500-700m. Sông còn có một nhánh nhỏ là sông Cái đi vòng quanh cù lao Ông Cùn sát phía Bắc của huyện Nhơn Trạch. Trên sông Cái có cảng Hải quân phục vụ cho mục đích quân sự.

Sông Nhà Bè sâu 10m, rộng 1000m, nằm phía Tây huyện Nhơn Trạch, nối với các đô thị khác trên hệ thống sông Đồng Nai - Sài Gòn - Nhà Bè.

Sông Lòng Tàu sâu 10m, rộng 500-700m nằm ở phía Tây Nam huyện Nhơn Trạch nối sông Nhà Bè với Vũng Tàu.

Sông Đồng Tranh sâu 5-7m rộng 400m nằm ở phía Nam huyện. Phía Đông Nam huyện Nhơn Trạch là sông Thị Vải, sông có độ sâu trên 12m, rộng 500m.

2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

Theo phân loại của FAO/UNESCO thì toàn huyện có 4 nhóm đất chính và 10 đơn vị đất như sau:

- Nhóm đất phù sa 19.729,7 ha, phân bố ở vùng thấp phía Bắc, phía Đông và Nam huyện. Trong nhóm đất này có 3.868,3 ha đất phèn tiềm tàng sâu, không hoặc ít bị ảnh hưởng của nước mặn tràn hoặc mạch mặn, là nơi trồng hai vụ lúa chắc; đất phèn tiềm tàng sâu mặn 4.194,3 ha, phân bố trong khu vực thủy lợi Ông Kèo; đất mặn trung bình do nước mạch mặn hoặc do tồn dư muối trong đất chưa bị rửa trôi hết, hiện cấy một vụ lúa mùa mưa.

Phần đất còn lại bị mặn tràn do thủy triều, hàm lượng muối trong đất rất cao, khoảng 0,2% Cl⁻ ở lớp đất mặt và trên 1% ở lớp đất sâu. Đất này dành cho lâm nghiệp trồng rừng ngập mặn.

- Nhóm đất gley phèn 1.137,5 ha, phân bố ven chân đò ở xã Vĩnh Thanh và Hiệp Phước. Ở xã Vĩnh Thanh các lớp đất mặt là phù sa, các lớp dưới là cát biển, lớp phủ dày mỏng tùy thuộc gần hay xa chân đò gò; trong khi đó ở xã Hiệp Phước thì ngược lại, phần đất mặt là do rửa trôi, xói mòn ở trên đò gò đưa xuống có thành phần cơ giới thô, các phần dưới có nguồn gốc là phù sa phèn, cơ

giới trung bình có lẫn xác thực vật. Đây là vùng sản xuất lúa năng suất cao, hầu hết cây lúa 2 vụ, một số nơi trồng 3 vụ.

- Nhóm đất cát biển 613,0 ha; phân bố ở xã Phước An và một phần xã Long Thọ. Nguồn gốc do cát biển hình thành; phần lớn diện tích này bỏ hoang hoặc khai thác cát cho xây dựng, một số nơi trồng điều, cây ăn trái, hoa màu.

- Nhóm đất xám chiếm toàn bộ vùng đồi gò của huyện, diện tích 12.585,2 ha. Đất được hình thành trên mẫu chất phù sa cổ và có thành phần cơ giới nhẹ đến trung bình, tỷ lệ cát khoảng 75-80%, tầng đất dày trên 1m; độ dốc hầu hết dưới 3⁰ trừ một ít diện tích ven sườn đồi phía Bắc và phía Đông trên 8⁰. Nhóm đất này thích hợp cho cây dài ngày, hoa màu và cũng rất thích hợp cho xây dựng; riêng 1.673 ha đất vùng thấp hơn xung quanh hoặc ở chân sườn đồi tiếp giáp với nhóm đất phù sa, các tầng đất dưới bị gley, thích hợp với 2 vụ lúa trong mùa mưa hoặc 1 màu 1 lúa.

b. Tài nguyên nước

* **Nước mặt:** Ngoài nước mưa, nguồn nước mặt chủ yếu được cung cấp chủ yếu từ các sông suối thuộc hệ thống sông Đồng Nai, tuy nhiên phần lớn đều bị nhiễm phèn, mặn nên khả năng sử dụng không cao.

* **Nước ngầm:** Theo tài liệu khảo sát của Liên đoàn Địa chất - thủy văn 8 cho thấy, nguồn nước ngầm tại vùng Long Thành - Nhơn Trạch khá phong phú. Chất lượng nước được đánh giá khá tốt, độ mặn <100 mg/l (riêng khu vực xã Phước Khánh nguồn nước ngầm bị nhiễm mặn) và hàm lượng sắt không lớn (2-5 mg/l). Các tầng chứa nước ngầm ở Nhơn Trạch gồm 4 tầng cụ thể: tầng chứa nước Holocen (Q_{IV}), tầng chứa nước Pleistocen (Q_{II-III}), tầng chứa nước Pleistocen (Q_I), tầng chứa nước Pliocen (N₂).

Nhìn chung các khu vực ven sông như: Phước Khánh, Đại Phước, Phú Hữu,... có nguồn nước ngầm khá lớn nhưng lại bị nhiễm mặn, khả năng đưa vào khai thác sử dụng cho sinh hoạt bị hạn chế. Ở khu vực địa hình cao, lượng nước ngầm có trữ lượng lớn, không bị nhiễm mặn nhưng hiện nay lại bị khai thác tràn lan do việc cung cấp nước máy cho nhu cầu sinh hoạt còn hạn chế. Vì vậy trong thời gian tới cần phải đầu tư hệ thống cấp nước để giải quyết triệt để nhu cầu nước sinh hoạt cho người dân.

Riêng khu vực đồi gò thấp ở các xã trung tâm thì nguồn nước ngầm không bị nhiễm phèn mặn nhưng độ sâu khai thác lớn. Trong tình hình hiện nay, mật độ dân cư ngày càng tăng cao nên nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt rất lớn, trong khi đó việc khai thác nguồn nước phục vụ sinh hoạt trong các khu dân cư hiện nay phần lớn là tự phát, nếu không có các biện pháp quản lý việc khai thác nước ngầm thì nguy cơ ảnh hưởng đến dòng chảy của các tầng chứa nước và khả năng ô nhiễm nguồn nước ngầm là không nhỏ.

c. Tài nguyên rừng

Theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019, diện tích đất rừng của huyện là 4.273,74 ha. Như vậy diện tích rừng của huyện không nhiều và chủ yếu là rừng ngập mặn, tập trung nhiều nhất ở phía Nam huyện thuộc xã Long Thọ, Phước An chiếm 11,65% diện tích tự nhiên của huyện, là khu vực do Ban Quản lý rừng

phòng hộ Long Thành quản lý; có tác dụng hạn chế khả năng xâm nhập mặn vào các vùng sản xuất nông nghiệp, bên cạnh đó cũng phù hợp cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ.

d. Tài nguyên khoáng sản

Nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện tương đối hạn chế về chủng loại, nguồn khoáng sản chủ yếu là cát, sét gạch ngói. Trữ lượng dự báo các loại khoáng sản được đánh giá thuộc loại rất triển vọng cát xây dựng 31,9 triệu m³ (Đông Mu Rùa) tập trung chủ yếu ở dải trầm tích Kainozoi từ Long Thành đến Nhơn Trạch, sét gạch ngói 167 triệu m³ (Vũng Gấm).

e. Tài nguyên nhân văn

Nhân dân huyện Nhơn Trạch có truyền thống yêu nước, cần cù, yêu lao động, luôn phấn đấu xây dựng và phát triển địa phương phù hợp với nhịp điệu chung của xã hội; trong suốt quá trình xây dựng và phát triển những đặc tính đó luôn được phát huy và ghi nhận trong đời sống xã hội bằng những công trình mang đậm nét văn hóa qua từng thời kỳ như miếu, đình, đền... Các di tích lịch sử được tinh công nhận như khu di tích Địa đạo Nhơn Trạch, bia tưởng niệm Giồng Sắn... và các tập tục, lễ hội phi vật thể trong các công đồng dân cư.

Để xây dựng địa phương trở thành trung tâm văn hóa, xã hội, kinh tế của khu vực, nhân dân huyện Nhơn Trạch có nhiều động lực để tiếp tục phát huy các truyền thống quý báu của cha ông. Bên cạnh đó việc bảo tồn văn hóa phi vật thể và các công trình văn hóa cần được quan tâm, hạn chế tác động của đời sống hiện đại của đô thị làm mai một các nét văn hóa địa phương.

3. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

a. Về kinh tế:

Theo số liệu thống kê của huyện Nhơn Trạch năm 2023 thì ngành công nghiệp là ngành kinh tế chủ lực của huyện, sản xuất công nghiệp luôn giữ tốc độ tăng trưởng khá ổn định. Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng năm 2023 đạt 224.236 tỷ đồng, tăng 15,27% so với cùng kỳ; thương mại - dịch vụ có xu hướng tăng trở lại và phát triển khá tốt. Hoạt động thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện ổn định, đảm bảo cung cấp đủ hàng hóa đáp ứng nhu cầu của người dân. Đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển thương mại điện tử trên địa bàn huyện năm 2023, ban hành kế hoạch triển khai thực Chương trình hành động phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Bên cạnh đó ngành nông nghiệp sản áp dụng tái cơ cấu với mục đích hướng tới khai thác hiệu quả quỹ đất sản xuất và phát triển bền vững, phát triển nông nghiệp hữu cơ. Tổng diện tích gieo trồng trong năm 2023 đến nay trên địa bàn huyện đã thực hiện sản xuất với diện tích là 6.557 ha/6.394 ha, đạt 102,54% kế hoạch đề ra năm 2023, so với cùng kỳ năm đạt 99,28%, giảm 0,7%.

b. Về dân số:

Theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2023, huyện Nhơn Trạch có dân số trung bình là 287.540 người chiếm 10,61% dân số trung bình của tỉnh Đồng Nai, trong đó: Dân số thành thị là 58.810 người, dân số nông thôn là 214.700 người. Mật độ dân số của huyện là 763 người/km² và là huyện có mật độ dân số khá cao so với toàn tỉnh.

c. Về đất đai

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2022, tổng diện tích tự nhiên của huyện là 37.678 ha, trong đó đất nông nghiệp 22.401,33 ha, đất phi nông nghiệp 15.276,56 ha.

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất luôn được tỉnh nói chung và huyện nói riêng quan tâm thực hiện nhằm đáp ứng kịp thời cho yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của huyện, trong đó:

- Đối với công tác quy hoạch sử dụng đất: Hiện nay, UBND huyện đã thực hiện lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện theo đúng quy định của pháp luật đất đai và đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 5367/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

- Đối với công tác lập kế hoạch sử dụng đất: Thực hiện Luật đất đai năm 2013, từ năm 2015 đến nay, UBND huyện đã thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch được duyệt với 66 dự án/1.071,24 ha. Thực hiện theo kế hoạch được duyệt, đến nay chưa có dự án nào hoàn thành thủ tục để giao đất, vẫn còn đang triển khai thực hiện các thủ tục về đất đai như: xây dựng phương án bồi thường; triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất hoặc xin phép chuyển mục đích sử dụng đất.

2. Đánh giá những tồn tại trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện năm 2024 đến nay đã đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng được yêu cầu trong việc phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện. Bên cạnh những mặt đạt được còn một số tồn tại sau:

- Một số dự án sử dụng vốn đầu tư không phải của huyện nên địa phương không thể chủ động trong việc triển khai thực hiện.

- Đối với các dự án sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ không thuộc đối tượng được nhà nước thu hồi đất mà chủ đầu tư phải tự thỏa thuận, nên tiến độ thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực này cũng phụ thuộc vào năng lực của chủ đầu tư.

3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Về trình tự, thủ tục thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng: Quy trình các bước thực hiện (từ khi thông báo thu hồi đất đến khi thông báo cho người bị thu hồi đất nhận tiền bồi thường) phải qua nhiều công đoạn. Đến nay, pháp luật đất đai chưa quy định cụ thể trình tự thủ tục và thời gian thực hiện. Tỉnh Đồng Nai đã ban hành quy định thời gian hoàn thành các công đoạn và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị nhưng trên thực tế việc thực hiện còn chậm so với quy định, chủ yếu ở các khâu kiểm kê đất đai, tài sản bị thiệt hại, xác nhận nguồn gốc đất, lập phương án bồi thường. Ngoài ra, việc triển khai các công việc sau khi có thông báo thu hồi đất đến khi trình thẩm định phương án bồi thường các dự án còn chậm. Việc thực hiện các khâu trong công tác bồi thường các dự án không đồng bộ, không liên tục và thường bị gián đoạn

Tình trạng người dân không phối hợp thực hiện công tác kiểm kê đất đai, tài sản bị thiệt hại để lập phương án bồi thường (phải tiến hành kiểm kê bắt buộc), không chấp hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường của cơ quan có thẩm quyền vẫn còn xảy ra. Tình hình khiếu kiện của người bị thu hồi đất vẫn còn khá phức tạp, ảnh hưởng lớn đến tiến độ bàn giao mặt bằng để thực hiện các dự án đầu tư.

Đối với các dự án có hiện trạng đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai nhưng tiến độ thực hiện còn chậm nguyên nhân chủ yếu do: Để đạt chuẩn nông thôn mới, nhiều công trình đã được xây dựng trước mà chưa có các hồ sơ như: chấp thuận (hoặc quyết định) chủ trương đầu tư, thẩm định nhu cầu, cam kết môi trường,...; do vậy không đủ điều kiện để thực hiện giao đất. Ngoài ra, một số địa phương chưa thực sự quan tâm để thực hiện các dự án nằm trong kế hoạch dẫn đến tiến độ thực hiện kế hoạch còn chậm.

VI. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

1. Phương hướng nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2025

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Nhơn Trạch đã bám sát phương hướng nhiệm vụ năm 2024 tại Báo cáo số 1129/BC-UBND ngày 28/11/2024 của UBND huyện Nhơn Trạch về Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của huyện năm 2024; phương hướng nhiệm vụ năm 2025. Cụ thể như sau:

1.1. Mục tiêu tổng quát năm 2025

Tập trung thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đột phá, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế đồng bộ, toàn diện, nhất là các ngành và lĩnh vực trọng tâm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với nâng cao năng suất lao động và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế; bảo đảm môi trường đầu tư

kinh doanh thuận lợi bình đẳng. Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội; phát triển giáo dục-đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, triển khai thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phát triển kinh tế - xã hội; ứng phó và thích nghi hiệu quả với biến đổi khí hậu, chủ động phòng chống thiên tai, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tinh giản biên chế gắn với cải cách công vụ, công chức. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Bảo đảm quốc phòng an ninh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a. Về kinh tế

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt để hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách trong năm 2025, phấn đấu đạt hoặc vượt so với dự toán được giao. Bổ sung một số nhiệm vụ chi cấp thiết, điều chỉnh một số danh mục cho phù hợp. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, bảo đảm chi ngân sách đúng chế độ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội.

- Đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư, tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách. Tập trung quyết liệt để hoàn thành các công trình trọng điểm. Rà soát các công trình, dự án còn dở dang để tập trung đầu tư. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, xử lý ngay những vướng mắc liên quan đến tiến độ và chất lượng công trình, thực hiện an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Thực hiện ứng dụng công nghệ mới trong xây dựng các công trình giao thông, xây dựng dân dụng theo quy định.

- Tập trung thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án kịp thời bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư thực hiện các dự án trên địa bàn huyện, nhất là các công trình trọng điểm như: đường Vành đai 3, đường Liên Cảng, đường 25C, các khu tái định cư, trường học...

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng và các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, tăng cường thu hút đầu tư trong tại các Cụm Công nghiệp và Khu công nghiệp của huyện. Đẩy mạnh thực hiện công tác rà soát, điều chỉnh các quy hoạch phát triển nhằm khai thác các lợi thế, tiềm năng để thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn huyện. Tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật tại các cụm công nghiệp, tăng khả năng tiếp nhận đầu tư, quan tâm thu hút các dự án đầu tư nước ngoài có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, sử dụng đất hiệu quả, ít gây ô nhiễm môi trường. Tạo điều kiện cho các dự án có quy mô lớn đã và sẽ đi vào hoạt động, các dự án khác đang đầu tư để tăng nhanh sản lượng công nghiệp.

- Thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, tăng cường áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Thực hiện khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tập trung, chỉ đạo sản xuất các vụ và các mô hình dự án sản xuất; chuẩn bị tốt việc làm đất,

cung ứng giống cây trồng; thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; đáp ứng đủ giống, vật tư nông nghiệp, kỹ thuật cho phát triển sản xuất nông nghiệp, triển khai công tác tập huấn ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Xây dựng các phương án chủ động phòng, chống thiên tai đạt hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh công tác trồng cây và tăng cường công tác bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng. Tiếp tục tập trung nguồn lực phát triển nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Tập trung phát triển các ngành dịch vụ có lợi thế, giá trị gia tăng cao như dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và các dịch vụ thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh và phục vụ đời sống nhân dân. Tiếp tục thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn để tạo điều kiện cho người dân nông thôn tiếp cận được các hàng hóa có chất lượng. Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, đầu cơ nâng giá, gây rối loạn thị trường. Phát triển các hoạt động thương mại điện tử.

- Tăng cường quản lý trật tự xây dựng, đô thị, đất đai, tài nguyên môi trường. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác duy tu, duy trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị. Tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng; kiểm tra, kiểm soát thường xuyên để ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm; tập trung xử lý dứt điểm các công trình vi phạm xây dựng trên đất công, đất nông nghiệp...

- Cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ đẩy mạnh cải cách, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp. Tăng cường cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp. Đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin doanh nghiệp giữa các cơ quan quản lý nhà nước; thực hiện đồng bộ việc giám sát của các cơ quan lý chuyên ngành về hoạt động của doanh nghiệp sau đăng ký thành lập. Phối hợp với các ngành chức năng của Tỉnh kiểm tra việc xử lý chất thải các khu công nghiệp.

- Chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nhận thức về môi trường. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, xử lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các cơ sở chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường. Kiểm soát chặt chẽ việc quản lý khai thác tài nguyên, khoáng sản gắn với các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác xử lý chất thải, nhất là rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện.

b. Lĩnh vực Văn hóa - xã hội

- Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế dự phòng, chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra. Đặc biệt là tình hình dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng... Tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp để nâng cao chất lượng y tế.

- Quản lý chặt chẽ giá thuốc, thiết bị y tế và chất lượng thuốc, thiết bị y tế. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học, nhà công vụ cho giáo viên.

- Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, công tác bình đẳng giới, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc. Đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở khu dân cư.

- Triển khai các giải pháp bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội.

- Hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo năm 2024. Triển khai thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách lao động, an toàn lao động và đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Ưu tiên thực hiện chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hộ vùng sâu vùng xa, con em gia đình chính sách, người có công, bộ đội xuất ngũ, con em gia đình trong các khu tái định cư.

- Phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh. Tiếp tục công tác cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan hành chính nhà nước, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan hành chính, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, đơn giản hoá các thủ tục và giấy phép bất hợp lý gây khó khăn cho hoạt động các doanh nghiệp, qua đó tạo động lực và cơ sở để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng, tăng thu cho ngân sách nhà nước.

c. Nội chính, an ninh, quốc phòng

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức của người dân, tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo trên tinh thần vừa bảo vệ lợi ích hợp pháp của người dân, công khai minh bạch, đúng pháp luật. Xử lý dứt điểm những vụ việc tồn đọng kéo dài, hạn chế để xảy ra những vụ khiếu kiện mới phức tạp, nhất là trong quá trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Tăng cường kỷ cương hành chính, kỷ luật lao động, nâng cao tinh thần trách nhiệm người đứng đầu, thái độ phục vụ của cán bộ công chức với nhân dân.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực tổ chức và quản lý, có trình độ chuyên môn, ý thức trách nhiệm cao, phẩm chất đạo đức, phong cách làm việc tốt, tận tụy phục vụ nhân dân, có tính chuyên nghiệp cao. Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia vào công tác tư pháp. Thực hiện tốt cơ chế giám sát của cơ quan dân cử, của nhân dân bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ trong hoạt động tố tụng. Tiếp tục tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Chủ động, tích cực phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời những biểu hiện tiêu cực.

- Tiếp tục tăng cường thực hiện công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực chấp hành pháp luật, tính hiệu quả, công khai, minh bạch trong các

chính sách của Nhà nước. Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại các xã trên địa bàn huyện trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

- Tiếp tục xây dựng, củng cố và giữ vững ổn định về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị tuyệt đối an toàn trong các ngày lễ lớn của đất nước, các sự kiện chính trị lớn.

- Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, nắm chắc tình hình, phối hợp chặt chẽ các lực lượng không để bị động bất ngờ, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong các dịp kỷ niệm ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị, hội nghị trên địa bàn. Không ngừng đảm bảo quốc phòng - an ninh, hoàn thành 100% chỉ tiêu công tác quốc phòng, quân sự địa phương, công tác tuyển quân năm 2024.

- Thực hiện tốt kế hoạch tuần tra kiểm soát đảm bảo an toàn giao thông; xử lý nghiêm các trường hợp đua xe trái phép; thực hiện các chuyên đề như nồng độ cồn, xe quá tải, xe quá hạn sử dụng... nhằm kéo giảm tình hình tai nạn giao thông theo các tiêu chí: giảm số vụ, số người chết, người bị thương. Tiếp tục thực hiện tốt công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tội phạm, tiếp tục thực hiện các giải pháp tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

2. Chỉ tiêu sử dụng đất trong năm 2025

Căn cứ tình hình phát triển thực tế của huyện, Kế hoạch năm 2025, trên địa bàn huyện sẽ thực hiện 94 dự án với tổng diện tích 2.791,16 ha. Các dự án phù hợp chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ tại Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nhơn Trạch đã được Thủ tướng Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; rà soát các tiêu chí lựa chọn các công trình, dự án theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 67 Luật đất đai năm 2024 xác định cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Nhơn Trạch.

Trong đó:

- Chuyển tiếp 66 dự án từ kế hoạch 2024 chuyển qua để các dự án tiếp tục thực hiện trong đó đã bao gồm 03 công trình điều chỉnh diện tích thực hiện trong năm kế hoạch 2024, hiện đang trình phê duyệt tại hồ sơ bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện.

- Chuyển tiếp thực hiện đối với 05 dự án đang trình bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024, hiện hồ sơ đang trình phê duyệt.

- Thực hiện mới 23 công trình theo các văn bản đăng ký nhu cầu của các ban ngành và các chủ đầu tư.

Bảng 2: Số lượng công trình, dự án thực hiện trong năm 2025

Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch

TT	Mục đích sử dụng	Tổng số dự án	Diện tích (ha)	Dự án trong chuyên tiếp		Dự án bổ sung	
				Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)
1	Đất khu công nghiệp	4	902,29	1	531,7	3	370,59
2	Đất phát triển hạ tầng	65	942,03	51	909,18	14	32,85
-	<i>Đất giao thông</i>	24	728,62	20	712,04	4	16,58
-	<i>Đất thủy lợi</i>	2	16,8	2	16,8		
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	1	5	1	5		
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	2	0,81	2	0,81		
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	18	158,89	17	157,62	1	1,27
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	14	18,87	6	7,2	8	11,67
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	1	0,33	1	0,33		
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	2	3,87	1	0,54	1	3,33
-	<i>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</i>	1	8,84	1	8,84		
3	Đất ở tại đô thị	4	45,68	1	9,75	3	35,93
4	Đất ở tại nông thôn	20	881,49	13	250,53	7	630,96
5	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,07	1	0,07		
6	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	1	19,6			1	19,6
Tổng		94	2.791,16	66	1.701,23	28	1089,93

3. Tổng hợp các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025

Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Nhơn Trạch

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2024	Diện tích KH 2025	So sánh với hiện trạng
I	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		37.677,89	37.677,89	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	22.401,33	21.079,29	-1.322,04
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.431,06	2.930,88	-500,18
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>3.256,19</i>	<i>2.767,73</i>	<i>-488,46</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	5.097,84	4.778,60	-319,24
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	7.876,94	7.435,21	-441,73
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.170,98	4.160,09	-10,89
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.820,31	1.770,31	-50,00
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	4,20	4,20	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	15.276,56	16.598,60	1.322,04
2.1	Đất quốc phòng	CQP	590,50	590,50	-
2.2	Đất an ninh	CAN	8,46	8,46	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	2.829,87	3.155,33	325,46
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	87,44	87,44	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	754,40	778,85	24,45
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	183,55	180,55	-3
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	3,36	2,74	-0,62
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.578,46	3.388,05	809,58
	<i>Trong đó:</i>				<i>-</i>
	<i>- Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.986,05</i>	<i>2.619,71</i>	<i>633,67</i>
	<i>- Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>159,77</i>	<i>164,03</i>	<i>4,26</i>

Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2024	Diện tích KH 2025	So sánh với hiện trạng
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	42,71	47,28	4,57
	- Đất cơ sở y tế	DYT	11,98	17,33	5,35
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	143,87	298,25	154,38
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	28,69	28,69	-
	- Đất công trình năng lượng	DNL	75,24	83,86	8,62
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	2,32	2,32	-
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	7,65	7,65	-
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,12	0,45	0,33
	- Đất cơ sở tôn giáo	TON	34,13	34,13	-
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	79,76	77,20	-2,56
	- Đất cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0,01	0,01	-
	- Đất chợ	DCH	6,05	6,09	0,04
	- Đất công trình công cộng khác	DHK	0,11	1,04	0,93
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,87	3,87	-
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	311,00	320,52	9,52
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.844,38	2.069,57	225,19
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	231,90	241,32	9,42
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,40	14,40	-
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	27,25	28,00	0,75
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	16,42	16,39	-0,02
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	5.743,99	5.665,30	-78,69
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	47,32	47,32	-
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-

(Chi tiết theo đơn vị hành chính cấp xã, đính kèm tại biểu 02/CH)

3.1. Đất nông nghiệp

Chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 21.079,29 ha. So với hiện trạng, diện tích giảm 1.332,04 ha. Nguyên nhân giảm để thực hiện các dự án phi nông nghiệp. Cụ thể:

- **Đất trồng lúa:** chỉ tiêu đất trồng lúa kế hoạch năm 2025 là 2.930,88 ha, giảm 500,18 ha so với hiện trạng 2024. Diện tích giảm do thực hiện chuyển sang đất phi nông nghiệp chủ yếu để thực hiện các dự án như: Khu dân cư xã Long Tân (Công ty CP Free land), Khu đô thị du lịch Long Tân, Khu dân cư Phú Hữu (Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia), khu công nghiệp Ông Kèo.....

Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước: chỉ tiêu kế hoạch 2025 có diện tích 2.767,73 ha giảm 488,46 ha so với hiện trạng năm 2024.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 4.778,60 ha, giảm 319,24 ha so với hiện trạng năm 2024.

- **Đất trồng cây lâu năm:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 7.435,21 ha, giảm 441,73 ha so với hiện trạng năm 2024.

- **Đất rừng phòng hộ:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm là 4.160,09 ha, giảm 10,89 ha so với hiện trạng để thực hiện dự án Cầu Phước An.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 1.770,31 ha, giảm 50 ha so với hiện trạng năm 2024.

3.2. Đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp năm 2025 là 16.598,60 ha tăng 1.332,04 ha so với hiện trạng năm 2024. Trong đó:

+ Các chỉ tiêu đất phi nông nghiệp ổn định không thay đổi so với hiện trạng năm 2024, gồm:

- **Đất quốc phòng:** diện tích 590,50 ha.

- **Đất an ninh:** diện tích 8,46 ha.

- **Đất cụm công nghiệp:** diện tích 87,44 ha.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** diện tích 3,87 ha.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** diện tích 14,40 ha.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** diện tích 47,32 ha.

+ Các chỉ tiêu đất phi nông nghiệp có thay đổi gồm:

- **Đất khu công nghiệp:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 sau khi thực hiện khu công nghiệp Ông Kèo xã Phước Khánh, khu công nghiệp Phước An là 3.155,33 ha tăng 325,46 ha so với hiện trạng.

- **Đất thương mại dịch vụ:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 778,85 ha tăng 24,45 ha so với hiện trạng.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 180,55 ha giảm 3 ha so với hiện trạng.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 là 2,74ha giảm 0,62 ha so với hiện trạng.

- **Đất phát triển hạ tầng:** diện tích kế hoạch sử dụng đất trong năm 2025 là 3.388,05 ha tăng 809,58 ha so với hiện trạng. Cụ thể:

+ **Đất giao thông:** diện tích kế hoạch trong năm 2025 là 2.619,71 tăng 633,67 ha so với hiện trạng. Diện tích tăng do bố trí thực hiện dự án giao thông trọng điểm như đường liên cảng, đường vành đai 3, đường 25C....

+ **Đất cơ sở giáo dục và đào tạo:** diện tích kế hoạch trong năm 2025 là 298,25 ha, tăng 154,38 ha so với hiện trạng.

+ **Đất công trình năng lượng:** diện tích kế hoạch trong năm 2025 là 83,86 ha, tăng 38,62 ha so với hiện trạng.

- **Đất ở tại nông thôn:** diện tích kế hoạch trong năm 2025 là 2.069.57 ha tăng 215,19 ha với hiện trạng.

- **Đất ở tại đô thị:** diện tích kế hoạch trong năm 2025 là 241,32 ha tăng 9,42 ha với hiện trạng.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** diện tích kế hoạch trong năm 2025 là 5.665,30 ha, giảm 78,69 ha với hiện trạng để chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp.

4. Sự phù hợp so với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được duyệt

Kế hoạch sử dụng đất sau khi bổ sung các công trình đều đảm bảo phù hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5367/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

So với chỉ tiêu phân bổ tại Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, có một số chỉ tiêu chưa phù hợp, tuy nhiên để thực hiện được các dự án trên địa bàn đảm bảo phù hợp với các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện và số liệu thống kê đất đai hiện trạng đã được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện sẽ giải trình, xin ý kiến chỉ đạo từ UBND tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường;

5. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích theo loại đất hiện trạng của huyện Nhơn Trạch

Bảng 03: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2025 theo loại đất hiện trạng của huyện Nhơn Trạch

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp		1.322,04
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	500,08
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>488,36</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	319,24
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	441,83
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	10,89
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	50,00
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		0,10
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	0,10
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	

(Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp xã tại Biểu 03a/CH kèm theo)

6. Diện tích đất cần thu hồi năm 2025

Bảng 06: Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 của huyện Nhơn Trạch

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	940,87
1.1	Đất trồng lúa	LUA	276,88
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>265,77</i>

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	268,03
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	340,61
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	10,89
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	44,46
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	105,39
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,00
2.2	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0,62
2.3	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	27,68
	- Đất giao thông	DGT	12,48
	- Đất thủy lợi	DTL	11,89
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	0,41
	- Đất cơ sở y tế	DYT	0,01
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,24
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	-
	- Đất công trình năng lượng	DNL	0,20
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	2,45
2.4	Đất ở tại nông thôn	ONT	26,26
2.5	Đất ở tại đô thị	ODT	0,59
2.6	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,02
2.7	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	47,18

(Chi tiết chi tiêu thu hồi đất theo từng đơn vị hành chính đính kèm tại Biểu 04a/KH)

7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2025 chi tiết các công trình tại biểu 05/KH

VII. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

1.1. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất

Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng hợp lý tài nguyên đất như đầu tư cải tạo đất, nâng cao độ phì của đất; trồng cây để bảo vệ tầng đất canh tác; ngăn ngừa giảm thiểu thoái hóa đất; thực hiện các biện pháp để làm giảm tối đa tác hại xói mòn đất do mưa và dòng chảy gây ra trên đất;

- Xác định diện tích rừng phòng hộ, giao trách nhiệm cho Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành thực hiện tốt việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích đã được giao; đẩy mạnh việc trồng cây xanh phân tán trong các khu dân cư, dải cây xanh cách ly, cây xanh công viên và ven đường giao thông.

- Đối với các dự án có sử dụng đất rừng, đất chuyên trồng lúa nước trước khi triển khai thực hiện phải hoàn thành các thủ tục liên quan chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; đối với các dự án sử dụng đất chuyên trồng lúa phải thực

hiện và hoàn thành phương án sử dụng lớp đất mặt, nộp tiền theo quy định của Luật Trồng trọt; Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

1.2. Giải pháp về bảo vệ bảo vệ môi trường

- Tăng cường giám sát bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản và khai thác vật liệu xây dựng; giám sát việc thực hiện Dự án ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường;

- Tuyên truyền sâu rộng đến cộng đồng về Luật bảo vệ môi trường để nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân, cộng đồng; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kích thích sinh trưởng trong sản xuất nông nghiệp; khuyến khích nông dân sử dụng các phương pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp, hạn chế sử dụng phân vô cơ, dùng phân hữu cơ vi sinh làm căn bản trong sản xuất nông nghiệp;

- Khuyến khích thu hút đầu tư các công trình xử lý nước thải tập trung trên địa bàn huyện; thực hiện nhanh các dự án cải tạo, khơi thông dòng chảy của các suối, hệ thống thoát nước; xây dựng hệ thống các trạm bơm thu gom nước thải về nơi xử lý tập trung; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc xử lý rác, chế biến phân bón vi sinh tại khu vực bãi thải, bãi xử lý chất. Tăng cường thu gom chất thải chuyên về nơi xử lý và tiêu hủy chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường trong huyện;

- Phối hợp với các ngành chức năng thực hiện tốt công tác quản lý, tăng cường thanh tra, kiểm tra môi trường trong các khu, cụm công nghiệp, các khu đô thị, các cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề; kiên quyết di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, khu đô thị; khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng cải thiện điều kiện làm việc và bảo vệ môi trường, tăng hàm lượng giá trị gia tăng trên sản phẩm sản xuất, sản xuất thành phẩm, sử dụng ít lao động nhằm giảm áp lực tăng dân số cơ học cho huyện;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm những hành vi làm tổn hại đến môi trường: như khai thác cát trên sông Đồng Nai, chặt phá rừng, đặc biệt là các hành vi xả thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường của các nhà máy, cơ sở sản xuất và các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giải pháp về nguồn lực

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực thuộc các ngành mũi nhọn của huyện.

- Củng cố tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai của địa phương; tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường, đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ địa chính cấp thị

trần, xã có đủ trình độ, năng lực và đạo đức, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân. Có chính sách khuyến khích thu hút, trọng dụng nhân tài.

- Chú trọng công tác đào tạo qua việc mở các lớp tập huấn bồi dưỡng về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nghiệp vụ về quản lý đất đai - môi trường theo phương thức hợp nhất liên ngành cho cán bộ công chức làm công tác quy hoạch, kế hoạch và mời các đơn vị tư vấn trực thuộc có nhu cầu đào tạo tham dự.

3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

3.1. Giải pháp tổ chức thực hiện

Sau khi UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025, UBND huyện Nhơn Trạch sẽ chỉ đạo tổ chức thực hiện như sau:

3.1.1. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp các Phòng, Ban, UBND cấp xã có liên quan tổ chức triển khai kế hoạch sử dụng đất của huyện đạt chất lượng, hiệu quả;

- Tham mưu UBND huyện thực hiện công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác quản lý, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ.

- Quản lý đất đai chặt chẽ, đảm bảo việc sử dụng đất đúng quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

3.1.2. Phòng Tài chính- Kế hoạch

Phòng Tài chính - Kế hoạch cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các dự án, công trình hạ tầng, công trình phúc lợi xã hội và các công trình khác sử dụng nguồn vốn ngân sách trong năm 2025.

3.1.3. Các Ban, ngành của huyện, Ủy ban nhân dân thị trấn, xã

- Bám sát chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt để tổ chức thực hiện, khi có phát sinh nhu cầu mới phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện điều chỉnh về quy mô, địa điểm, số lượng dự án công trình theo luật định.

- Triển khai thực hiện các dự án được giao làm chủ đầu tư, vận động người sử dụng đất thực hiện chuyển mục đích đảm bảo chỉ tiêu chuyển mục đích được duyệt.

3.2. Giải pháp quản lý và giám sát kế hoạch sử dụng đất

- Thực hiện công bố, công khai kịp thời và đúng quy định, để cộng đồng thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định;

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Phát huy vai trò của các cấp ủy đảng, tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất thống nhất, chặt chẽ từ cấp huyện đến cấp xã, thị trấn;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và tình hình triển khai hiện các dự án, công trình theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt, nhằm tránh tình trạng dự án treo, hoặc đầu cơ chờ cơ hội chuyển nhượng dự án để trục lợi. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất UBND tỉnh thu hồi diện tích đất đã giao hoặc đã cho các tổ chức, doanh nghiệp thuê nhưng không hoặc chậm đưa đất đã được giao, được thuê vào sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả, sai mục đích;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan chuyên ngành đối với việc lập kế hoạch sử dụng đất sao cho phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và tình hình phát triển bền vững của địa phương, nhằm nâng cao chất lượng và tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

4. Giải pháp khác

4.1. Giải pháp về khoa học, công nghệ

Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đất đai, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giám sát, quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

4.2. Giải pháp về chính sách hỗ trợ

- Rà soát, thực hiện đầy đủ cơ chế, chính sách, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn phù hợp với cơ chế, chính sách chung của tỉnh; chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng trong đô thị, đồng thời thu hút đầu tư phát triển hạ tầng và các dự án đô thị, để tiến tới mở rộng không gian đô thị toàn huyện; phát triển quỹ nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ tái định cư, xã hội hóa các dịch vụ về: văn hóa, y tế, giáo dục, dịch vụ, khoa học và công nghệ;

- Có chính sách riêng trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư vào địa bàn huyện Nhơn Trạch như: vốn trực tiếp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, vốn ứng trước của các đối tượng có nhu cầu sử dụng hạ tầng, hình thức tín dụng, đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng, sử dụng quỹ đất để tạo vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thông qua cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước, xây dựng quan hệ đối tác với các nhà đầu tư tiềm năng như các tập đoàn kinh tế trong nước và nước ngoài. Phối hợp với các Sở, ngành cấp tỉnh xây dựng các đề án huy động các nguồn vốn đầu tư từ thị trường tài chính trong nước, quốc tế, nguồn vốn ODA, FDI, vốn tín dụng phát triển của Nhà nước cho xây dựng hạ tầng, bảo vệ môi trường, phát triển nguồn nhân lực;

- Xây dựng kế hoạch về vốn đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là phát triển kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện, bưu chính, viễn thông; ưu tiên phát triển các lĩnh vực: văn hóa, y tế, giáo dục,...

4.3. Giải pháp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đã được UBND tỉnh ban hành, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật. Rà soát, tổng hợp và đề xuất với cơ quan cấp tỉnh về những bất cập trong cơ chế, chính sách áp dụng trên địa bàn huyện;

- Ưu tiên thực hiện các dự án tái định cư, để ổn định đời sống của người dân có đất bị thu hồi. Có kế hoạch hỗ trợ về kinh phí, tư vấn và đào tạo nghề cho các đối tượng có đất bị thu hồi, để giúp người dân chuyển đổi ngành nghề phù hợp với nhu cầu lao động trong các khu công nghiệp và các lĩnh vực sản xuất kinh doanh;

- Thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề đối với người sử dụng đất trực tiếp sản xuất nông nghiệp có đất bị thu hồi, đặc biệt đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất sản xuất nông nghiệp thu hồi với diện tích lớn, phải chuyển đổi ngành nghề.

VIII. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Nhơn Trạch được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2024; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đã được tổng hợp cân đối mang tính kế thừa, khách quan từ việc lấy nhu cầu thực tế của các ban, ngành từ cấp huyện, cấp tỉnh và UBND các xã, thị trấn.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nhơn Trạch với tổng số 94 dự án/2.791,16 ha trong đó chủ yếu là những dự án đã triển khai dang dở từ những năm trước, cụ thể: chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2024 sang 66 dự án/1.701,23 ha và bổ sung mới 28 dự án/1.089,93 ha, chủ yếu là các công trình phục vụ mục đích chung của cộng đồng như: đường giao thông, đất công trình năng lượng, các khu dân cư thương mại tạo nguồn thu cho huyện... .

Các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để đảm bảo tiến độ thực hiện và hoàn thành các dự án trong năm kế hoạch cần phải phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực và lợi thế của huyện, đặc biệt là nguồn lực về vốn đầu tư và nhân lực, trong đó ưu tiên đầu tư, triển khai nhanh việc xây dựng các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện kết hợp với những giải pháp mang tính đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế./.